ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /2023/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; số 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 353/TTr-KHĐT ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Báo cáo thẩm định số 04/BC-STP ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Sở Tư Pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 03 năm 2023 và thay thế Quyết định số 2773/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại giao (b/c);
- Q. CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-3; XD, GT1, NC, TM;
- Lưu: VT, XD3.

QĐ12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Cao Tường Huy

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Quyết định số: 06 /2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này:

a) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức nước ngoài mà việc tiếp nhận phải được ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và các khoản viện trợ không hoàn lại trong các thỏa thuận về vốn ODA phải được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Các khoản quà biếu, quà tặng cho cơ quan, tổ chức không vì mục đích hỗ trợ nhân đạo, từ thiện;

c) Các khoản tài trợ theo các hình thức thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ có phát sinh lợi nhuận để phân chia;

d) Các cá nhân tiếp nhận tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học Công nghệ số 29/2013/QH13;

đ) Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ thực hiện tại tỉnh Quảng Ninh trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam và quy định của tỉnh Quảng Ninh, bao gồm:

a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài;

b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

c) Các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư;

d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài);

đ) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận và thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh:

a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động;

b) Các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ và quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam về hội, tổ chức khoa học và công nghệ, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

c) Doanh nghiệp xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường;

d) Các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong phạm vi Quy chế này các thuật ngữ được hiểu theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP).

2. Giải thích từ ngữ ngoài quy định tại Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP:

a) "Dự án đầu tư" là dự án tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định.

b) "Dự án hỗ trợ kỹ thuật" là dự án có mục tiêu hỗ trợ phát triển năng lực và thể chế hoặc cung cấp các yếu tố đầu vào kỹ thuật để chuẩn bị và thực hiện các chương trình, dự án thông qua các hoạt động cung cấp chuyên gia, đào tạo, hỗ trợ trang thiết bị, tư liệu và tài liệu, tham quan khảo sát, hội thảo.

c) Doanh nghiệp xã hội" là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp; mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký.

d) "Thỏa thuận quốc tế" là thỏa thuận bằng văn bản về hợp tác quốc tế giữa bên ký kết Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình với bên ký kết nước ngoài, không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo pháp luật quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật, phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đảm bảo an ninh chính trị của tỉnh, của đất nước và chủ quyền quốc gia.

2. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị và trật tự xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước và quyền lợi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

3. Việc quản lý và sử dụng viện trợ tuân thủ theo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ

Các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ

Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương II:
VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 7. Vận động, đàm phán, ký kết viện trợ

1. Công tác vận động và tiếp nhận các khoản viện trợ dành cho tỉnh Quảng Ninh phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn cũng như nhu cầu, ưu tiên của từng ngành, từng địa phương trong tỉnh.

2. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Quảng Ninh là cơ quan đầu mối về công tác vận động viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính

thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Quảng Ninh; chủ trì công tác vận động, tìm kiếm, đàm phán các khoản viện trợ.

3. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình/Kế hoạch tăng cường hợp tác và vận động viện trợ.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực quản lý được giao, chủ trì hoặc phối hợp trong công tác tìm kiếm, vận động, đàm phán, ký kết và tiếp nhận viện trợ đảm bảo các yêu cầu như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến thăm và làm việc với các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh: Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì đón tiếp gửi hồ sơ về Sở Ngoại vụ thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Việc cung cấp tài liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài phải đảm bảo theo đúng quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước. Không cung cấp các thông tin không liên quan đến việc xây dựng và thực hiện các khoản viện trợ, không cung cấp các thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

c) Việc ký kết các khoản viện trợ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt

1. Thủ tướng chính phủ phê duyệt các khoản viện trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

a) Các khoản viện trợ không quy định tại khoản 1 của Điều này và các khoản viện trợ khắc phục hậu quả được viện trợ trực tiếp cho địa phương không phụ thuộc vào quy mô khoản viện trợ.

b) Các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận là các tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cho phép thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận viện trợ.

3. Các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

1. Lập hồ sơ khoản viện trợ:

a) Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 6 bộ, các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt đã được công chứng kèm theo.

b) Văn kiện chương trình, dự án và văn kiện khoản viện trợ phi dự án được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

c) Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định:

a) Văn kiện chương trình, dự án, phi dự án phải được thẩm định để làm cơ sở phê duyệt, ký kết và thực hiện.

b) Đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cơ quan chủ trì thẩm định là Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

c) Đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận hồ sơ và chủ trì thẩm định.

d) Đối với các khoản viện trợ khác thực hiện trên địa bàn tỉnh không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan chủ quản.

đ) Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, nội dung dự án, cơ quan chủ trì thẩm định có thể mời các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định chương trình, dự án.

e) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định có liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

3. Nội dung thẩm định:

Nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

a) Chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ và hồ sơ kèm theo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ khoản viện trợ trên cơ sở các quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế này.

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ tới Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành chức năng liên quan ở địa phương để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý của địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành có liên quan.

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến tham gia thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư; các cơ quan, đơn vị liên quan có

trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ và có ý kiến trả lời bằng văn bản; quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời thì được xem là đồng ý với nội dung khoản viện trợ.

đ) Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan; Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt tiếp nhận khoản viện trợ.

e) Trường hợp không áp dụng hình thức tổng hợp ý kiến bằng văn bản, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị thẩm định và gửi báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Trong trường hợp khoản viện trợ chưa đủ điều kiện tiếp nhận, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản đồng thời đề nghị Chủ khoản viện trợ hoàn thiện hồ sơ, trong đó nêu rõ những vấn đề cần bổ sung, chỉnh sửa hoặc giải trình. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định theo quy định.

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khoản viện trợ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt khoản viện trợ.

h) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt khoản viện trợ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định phê duyệt khoản viện trợ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

i) Trong trường hợp hồ sơ khoản viện trợ không đủ điều kiện tiếp nhận, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho Bên cung cấp viện trợ về quyết định không tiếp nhận viện trợ.

k) Đối với viện trợ khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, khi phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án, Chủ tịch UBND tỉnh không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

5. Quyết định phê duyệt gồm những nội dung chính được quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương III:
QUẢN LÝ THỰC HIỆN VIỆN TRỢ

Điều 10. Tổ chức quản lý chương trình, dự án

Việc tổ chức quản lý chương trình, dự án thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản

Cơ quan chủ quản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 13 và Điều 33 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ. Chủ khoản viện trợ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng và hàng năm cho cơ quan chủ quản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư).

3. Sau khi kết thúc, chủ khoản viện trợ tổ chức nghiệm thu, đánh giá và tiến hành các biện pháp, thủ tục cần thiết để khai thác và bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng và gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ đến Cơ quan chủ quản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; thời hạn chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo trong phạm vi quản lý.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án

Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 14. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình thực hiện

1. Những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung làm cho chương trình, dự án trở thành trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP thì phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

2. Các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung không thuộc quy định tại điểm a khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt khoản viện trợ.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 15. Bán hàng hóa thuộc các khoản viện trợ

Việc bán hàng hóa thuộc các khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 16. Xử lý tranh chấp

Việc xử lý tranh chấp thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương IV:
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VIỆN TRỢ

Điều 17. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ

Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 18. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ

Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 19. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

Việc lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

Điều 20. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8, Điều 23 Nghị định 80/2020/NĐ-CP.

b) Đối với viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ. Chủ khoản viện trợ lập báo cáo quyết toán khoản viện trợ hàng năm và khi kết thúc dự án trên cơ sở số liệu giải ngân hàng quý đã được đối chiếu với ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản tiếp nhận và Bên cung cấp viện trợ để gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quyết toán gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan; thời điểm: không muộn hơn ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Điều 21. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ

Việc tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Điều 22. Thuế đối với các khoản viện trợ

Thuế đối với các khoản viện trợ thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 23. Kiểm toán các khoản viện trợ

Kiểm toán các khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

Chương V:
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ

Điều 24. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thống nhất quản lý nhà nước đối với công tác vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức nước ngoài trên

địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo thẩm quyền đã được phân cấp tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này. Ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Chương II và Chương III Quy chế này, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ lập hồ sơ viện trợ; thẩm định văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ khác thực hiện trên địa bàn tỉnh không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan chủ quản.

2. Chủ trì cân đối nguồn chi đầu tư ngân sách tỉnh hằng năm để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán vốn viện trợ (bao gồm vốn tiếp nhận viện trợ đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và vốn đối ứng nếu có) cho các khoản viện trợ đã được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận, phê duyệt, triển khai thực hiện các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này trên địa bàn tỉnh. Kịp thời phát hiện các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

4. Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, đột xuất và hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan về kết quả vận động, tình hình quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về tài chính đối với các khoản viện trợ, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ: khả năng đóng góp đối ứng của đơn vị tiếp nhận viện trợ; các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước; tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của chương trình, dự án dành cho các hạng mục chủ yếu của chương trình, dự án.

2. Hướng dẫn các đơn vị tiếp nhận viện trợ thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính viện trợ:

a) Đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu

ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định liên quan về quản lý tài chính đối với viện trợ không hoàn lại.

b) Đối với khoản viện trợ do Bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý, thực hiện: Trường hợp Bên cung cấp viện trợ bàn giao quyền sở hữu đối với các tài sản, trang thiết bị của chương trình, dự án cho chủ dự án, Sở Tài chính hướng dẫn Chủ dự án thực hiện việc xác lập sở hữu tài sản theo quy định hiện hành.

3. Chủ trì cân đối nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh hàng năm để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán vốn viện trợ (bao gồm vốn tiếp nhận viện trợ đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước và vốn đối ứng nếu có) cho các khoản viện trợ đã được phê duyệt và tổng hợp thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Ngoại vụ

Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của các cá nhân, tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chủ trì thẩm định, tham mưu cho cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt việc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh xin phép đón tiếp, làm việc với các cá nhân, tổ chức nước ngoài và tổ chức PCPNN đảm bảo các quy định hiện hành.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ về tư cách pháp nhân, năng lực của Bên cung cấp viện trợ theo quy định.

3. Tham gia giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và thực hiện đúng hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phối hợp xác minh, cung cấp thông tin theo yêu cầu về giấy phép hoạt động của các tổ chức PCPNN có hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại Quy chế này.

5. Chủ trì thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài cấp có thẩm quyền xem xét cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập văn phòng đại diện, Giấy đăng ký lập văn phòng dự án cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài có nhu cầu hoạt động tại tỉnh Quảng Ninh.

6. Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Quảng Ninh trong công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh

Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là cơ quan đầu mối về công tác vận động viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh Quảng Ninh, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Thông qua công tác đối ngoại nhân dân, các hoạt động hữu nghị hợp tác trên các lĩnh vực, định hướng ưu tiên viện trợ của tỉnh trong từng giai đoạn để

giới thiệu, quảng bá hình ảnh của địa phương cung như thu hút nguồn vốn viện trợ từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, đặc biệt là các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan vận động, tìm kiếm, đàm phán các khoản viện trợ.

3. Chủ trì xây dựng Chương trình/Kế hoạch tăng cường hợp tác và vận động viện trợ trong từng giai đoạn cụ thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ.

5. Thực hiện các các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao có liên quan tới công tác viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an tỉnh

Công an tỉnh là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham gia ý kiến đối với hồ sơ khoản viện trợ về tư cách pháp nhân của Bên cung cấp viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Cung cấp các thông tin liên quan làm cơ sở xem xét trong quá trình thẩm định các khoản viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định tại Quy chế này.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia giám sát, kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ, đặc biệt về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

5. Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

6. Thực hiện việc quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú đối với người nước ngoài làm việc trong các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại tỉnh.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham gia ý kiến hồ sơ khoản viện trợ về tư cách pháp nhân, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ của Bên tiếp nhận viện trợ (hoặc chủ khoản viện trợ) là các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan tham gia ý kiến hồ sơ khoản viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Hướng dẫn chủ khoản viện trợ (chủ dự án) thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kho bạc Nhà nước tỉnh:

Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan khác trên địa bàn tỉnh

1. Tham gia ý kiến đối với hồ sơ viện trợ về tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, mục đích tiếp nhận phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực quản lý, đơn vị thực hiện và thụ hưởng chương trình, dự án; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận (hoặc chủ khoản viện trợ) là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia; khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc; hiệu quả sử dụng khoản viện trợ phi dự án.

2. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng các quy định về quản lý viện trợ của Chính phủ và của tỉnh.

Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Tham gia ý kiến hồ sơ viện trợ về tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, mục đích tiếp nhận phi dự án với mục tiêu phát triển trên địa bàn; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận (hoặc chủ khoản viện trợ) là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia; khả năng vận dụng kết quả chương trình, dự án vào thực tiễn và tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc; hiệu quả sử dụng khoản viện trợ phi dự án.

2. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận và sử dụng viện trợ đúng các quy định về quản lý viện trợ của Trung ương và địa phương. Phối hợp với cơ quan liên quan tạo điều kiện cho bên cung cấp viện trợ, bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập chương trình, dự án viện trợ triển khai trên địa bàn.

Chương VI:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Các sở, ban, ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 36. Những nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 37. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, tổ chức có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.